

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC  
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
HUYỆN BÙ ĐÓP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: A.B.../TB-THADS

Bù Đóp, ngày 05 tháng 06 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐÁU GIÁ TÀI SẢN**

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;  
Căn cứ Luật bán đấu giá tài sản năm 2016 được sửa đổi, bổ sung năm 2024;  
Căn cứ Thông tư số 19/2024/Tt-BTP ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 153/2024/DSPT ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;

Căn cứ bản án, quyết định số 29/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 38/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 34a/2024/QĐCNHGT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 36/2024/QĐCNHGT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 58/2024/QĐCNHGT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 44/2024/QĐCNHGT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 43/2024/QĐCNHGT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 82/QĐ-CCTHA ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 657/QĐ-CCTHA ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 51/QĐ-CCTHA ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 65/QĐ-CCTHA ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 66/QĐ-CCTHA ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 87/QĐ-CCTHA ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 95/QĐ-CCTHA ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đóp;



Căn cứ Quyết định thi hành án số: 114/QĐ-CCTHA ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp;

Căn cứ quyết định cưỡng chế số: 13/QĐ-CCTHA ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp;

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 10 tháng 4 năm 2025 của công ty cổ phần thẩm định giá Sagovalue (nhận ngày 14/5/2025),

Căn cứ Thông báo số: 112/TB-THA ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

Đã hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhưng chỉ có duy nhất công ty đấu giá hợp danh Luật Việt nộp hồ sơ đăng ký tham gia,

Chi cục thi hành án dân sự thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau.

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

**1. Tài sản đấu giá:**

- Quyền sử dụng đất: thửa đất số 34, tờ bản đồ 48, diện tích 1869,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn 6, xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2021. Hiện trạng và Giấy chứng nhận QSDĐ khớp nhau.

- Nhà ở, vật kiến trúc trên thửa đất là 01 căn nhà 1 tầng diện tích 85m<sup>2</sup> xây năm 1990. Nhà cũ, chất lượng kém.

- Cây trồng trên thửa đất gồm 02 cây chôm chôm, 01 cây dứa, 01 cây bưởi, 01 cây chùm ruột, 01 cây me. Cây trồng không được chăm sóc.

**2. Giá khởi điểm: 3.623.000.000<sup>d</sup> (ba tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu đồng)**

**3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Luật Việt – địa chỉ: đường Tô Hiệu, khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Tổng số điểm: 91.0**

**4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): không.**

**5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): không**

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)**

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá hợp danh Luật Việt
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	

1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	19.0
1.	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	10.0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5.0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5.0
2.	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	5.0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2.0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3.0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên  Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b>	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0

3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	<b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>	4,0
IV	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	49,0
1.	<b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b>	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b>	6,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	5,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b>	6,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b>	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề	

4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	6,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	3,0
6.1	01 đấu giá viên	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	3,0
7.1	Dưới 05 năm	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	3,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	7,0

1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác	
	<b>Tổng</b>	<b>91</b>

**Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử Cục THADS T. Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Công ty đấu giá hợp danh Luật Việt;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**

*Le Văn Thắng*